

DẠNG 8: CÁC BÀI TOÁN NÂNG CAO.

Bài 1. Số chẵn liền sau số nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau viết là :

- A. 100 B. 101 C. 102 D. 104

Bài 2. Số chẵn liền trước số chẵn lớn nhất có ba chữ số là :

- A. 996 B. 997 C. 998 D. 1000

Bài 3. Số tròn chục nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau là :

- A. 100 B. 110 C. 111 D. 120

Bài 4. Tìm hiệu của hai số biết số bị trừ là số liền sau của 850, số trừ là số liền trước của 581. Vậy hiệu cần tìm là :

- A. 271 B. 236 C. 896 D. 223

Bài 5. Từ các số 3, 0, 7, hãy tìm hiệu của số lớn nhất có ba chữ số khác nhau và số bé nhất có ba chữ số khác nhau được lập từ các số trên. Hiệu cần tìm là :

- A. 234 B. 432 C. 423 D. 243

Bài 6. Tổng của 215 và 114 cộng với hiệu của 345 và 145 được kết quả là :

- A. 219 B. 192 C. 529 D. 139

Bài 7. Tổng của số nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau và số chẵn liền sau của 324 là :

- A. 489 B. 428 C. 569 D. 532

Bài 8. Mảnh ruộng thứ nhất thu hoạch được 159kg thóc, mảnh ruộng thứ hai thu hoạch được ít hơn mảnh ruộng thứ nhất là 36kg thóc. Cả hai mảnh ruộng thu hoạch được số ki-lô-gam thóc là :

- A. 280kg B. 281kg C. 282kg D. 284kg

Bài 9. Nhà An nuôi 321 con gà. Nhà Bình nuôi ít hơn nhà An 105 con gà. Cả hai nhà nuôi được tất cả.....con gà. Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm là :

- A. 569 B. 125 C. 537 D. 596

Bài 10. An nghĩ ra một số biết rằng số đó giảm đi 3 lần thì bằng số lẻ liền sau của 1. Số mà An nghĩ ra là :

- A. 4 B. 3 C. 9 D. 1

Bài 11. Hình tứ giác ABCD có độ dài các cạnh $AB = 26\text{cm}$, $BC = 14\text{cm}$, biết độ dài cạnh CD gấp 3 lần độ dài cạnh BC và gấp 3 lần độ dài cạnh AD. Chu vi hình tứ giác ABCD là cm. Số cần điền vào chỗ chấm là :

- A. 45 B. 23 C. 52 D. 96

Bài 12. Cho tam giác có độ dài các cạnh lần lượt là: 321cm, 45dm, 20dm5cm. Vậy chu vi tam giác đó làcm. Số cần điền vào chỗ chấm là :

A. 789

B. 976

C. 123

D. 356

Bài 13. Lớp 2A được chia làm 4 tổ, mỗi tổ có 6 học sinh khá. Biết số học sinh giỏi lớp 2A ít hơn số học sinh khá là 16 bạn. Lớp 2A có số học sinh giỏi là :

A. 7 học sinh

B. 8 học sinh

C. 9 học sinh

D. 10 học sinh

Bài 14. Hà hái được 7 bó hoa, mỗi bó có 6 bông hoa. Linh hái được nhiều hơn Hà 8 bông hoa. Cả hai bạn hái được tất cả số bông hoa là :

A. 90 bông

B. 91 bông

C. 92 bông

D. 92 bông

Bài 15. Cho $237 + 6 \times 8 = \dots\dots\dots$ Số cần điền vào chỗ chấm là :

A. 452

B. 786

C. 285

D. 102

Bài 16. Nam nghĩ ra một số: Biết nếu lấy số đó chia cho 5 được kết quả đem cộng thêm 44 thì được 55. Số Nam đã nghĩ là :

A. 55

B. 66

C. 22

D. 33

Bài 17. Số lớn nhất có hai chữ số nhân với 6 thì được kết quả là :

A. 236

B. 594

C. 156

D. 745

Bài 18. Biết thừa số thứ nhất là số lẻ liền sau số 35, thừa số thứ hai là 4. Vậy tích hai thừa số là :

A. 452

B. 789

C. 148

D. 102

Bài 19. Số lớn nhất có 2 chữ số chia cho 3 rồi nhân với thương của 16 và 4 được kết quả là :

A. 132

B. 159

C. 473

D. 420

Bài 20. Dũng có 18 viên bi, Dũng có ít hơn Hùng 5 viên nhưng có nhiều hơn Bình 7 viên bi. Cả ba bạn có tất cả số viên bi là :

A. 51 viên bi

B. 52 viên bi

C. 53 viên bi

D. 54 viên bi

Bài 21. Có một số quả dâu, nếu chia mỗi rổ 8 quả thì được 5 rổ và dư 4 quả. Nếu số dâu đó đem chia vào các rổ mà mỗi rổ có 4 quả thì được số rổ là :

A. 3 rổ

B. 8 rổ

C. 11 rổ

D. 15 rổ

Bài 22. Có 96kg gạo được đựng đều trong 8 bao. 7 bao như thế đựng được kg gạo. Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm là :

A. 84

B. 89

C. 54

D. 48

Bài 23. Mẹ có 3 chùm bóng, mỗi chùm có 9 quả bóng. Biết mẹ cho An 13 quả bóng. Mẹ còn lại số quả bóng là :

A. 10 quả

B. 12 quả

C. 14 quả

D. 16 quả